

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/06/2026
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tố Minh

2. Bà Lê Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1001/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1014/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 29/5/2026 và Thông báo mở lại phiên tòa số 1001/2026/TB-TA, ngày 16/06/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn H; Sinh năm: 1985

HTTT và địa chỉ hiện nay: Thôn B, xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038085007211

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Đinh Thị Kim H; Sinh năm: 1984

HKTT: Thôn B, xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn H, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

Số CCCD: 042184009455

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2025 và bản tự khai cũng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị Kim H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, (nay là xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh) ngày 14/10/2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Chị H đã đưa con về nhà mẹ đẻ từ năm 2018 đến nay. Cũng vào năm

2018, chị H đi xuất khẩu lao động bên Đài Loan, hai vợ chồng cũng không còn liên lạc với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thanh B, sinh ngày 31/7/2009 và Bùi Đức P, sinh ngày 11/10/2014. Hiện nay các cháu đang ở với chị H và gia đình chị H. Ly hôn, anh đề nghị được giao cả 02 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, anh Hiếu thay đổi yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh đề nghị được cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng cho mỗi cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Tại biên bản trình bày ý kiến ngày 22/6/2026, chị Đinh Thị Kim H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H có đăng ký kết hôn như anh H trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống và không có tiếng nói chung trong việc làm ăn kinh tế, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh H trình bày. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì các cháu đang do chị và gia đình chị trực tiếp nuôi dưỡng. Bản thân chị mặc dù đi xuất khẩu Lao động nhưng vẫn thường xuyên về thăm gia đình. Đến nay, chị đã về nhà để trực tiếp nuôi con. Do đó, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con sau khi ly hôn và đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh H đề nghị là 2.000.000đ/1 tháng/1 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn H được ly hôn chị Đinh Thị Kim H. Về con chung: Giao cháu Bùi Thanh B, sinh ngày 31/7/2009 và Bùi Đức P, sinh ngày 11/10/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hương mỗi tháng cho mỗi cháu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Anh Bùi Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn với chị Đinh Thị Kim H, chị Hương có hộ khẩu thường trú xã V, tỉnh Thanh Hóa nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng chị H vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt chị H và đã thông báo kết quả phiên họp cho chị H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[4]. Anh Hiếu có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[5]. Tại phiên tòa, anh H và chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh H và chị H.

[6]. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Đinh Thị Kim H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, (nay là xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh) vào ngày 14/10/2008 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Anh H và chị H đã sống ly thân từ thời điểm chị H đi xuất khẩu lao động đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả anh H và chị H đều thừa nhận đã được các cấp chính quyền xã V xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay chị H đã về nước nhưng vẫn ở bên nhà bố mẹ đẻ và chị cũng có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh H được ly hôn chị H.

[7]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Từ năm 2018 khi vợ chồng sống ly thân thì cả 02 cháu do chị H và gia đình chị H trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân cả 02 cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo ổn định cho học tập và cuộc sống của 2 cháu nên chấp nhận yêu cầu của anh H và chị H, giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[8]. Về tài sản: Anh H, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[9]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 BLTTDS; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn H.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn H và chị Đinh Thị Kim H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thanh B, sinh ngày 31/7/2009 và Bùi Đức P, sinh ngày 11/10/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 06 năm 2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Anh H đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thanh Hóa theo biên lai số BLTU/26E/0000091 ngày 06/01/2026. Anh H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Bùi Văn H và chị Đinh Thị Kim H. Anh H và chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Đức Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc